

UBND QUẬN KIẾN AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục tiểu học

Năm học 2024-2025

(Kèm theo TT số 9/2024/TT-BGDDT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	15/15	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	15	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	1890	4,18 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	500	1,1 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	56	
2	Diện tích thư viện (m ²)	36	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	0	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	0	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	29.64	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	25	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	4	
1.2	Khối lớp 2	4	
1.3	Khối lớp 3	3	
1.4	Khối lớp 4	2	
1.5	Khối lớp 5	2	



STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	23	
IX	Tổng số thiết bị		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	15	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Bộ âm thanh (amly, loa)	1	
7	Laptop	2	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	1 (56m ²)
XI	Nhà ăn	1 (56m ²)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	1	3 m ²	5	90 m ²	5	90 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0	0	0	0

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (Website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Bắc Sơn, ngày 30 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

 * Nguyễn Thị Lan



UBND QUẬN KIẾN AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục tiểu học, năm học 2024-2025**

(Kèm theo TT số 9/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	22		01	20	01	0	0								
I	Giáo viên	20			19	01	0									
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	0			0	0	0							0		
1	Tiếng dân tộc															
2	Ngoại ngữ	01			01									01		
3	Tin học															
4	Âm nhạc	01			01									01		
5	Mỹ thuật	01			01									01		
6	Thể dục															
																
II	Cán bộ quản lý	02		01	01								3			
1	Hiệu trưởng	01		01									1			
2	Phó hiệu trưởng	01			01								2			
III	Nhân viên	2														
1	Nhân viên văn thư															
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế															
5	Nhân viên thư viện	1			1											
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm															
7	Nhân viên công nghệ thông tin															
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật															

Bắc Sơn, ngày 30 tháng 9 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Lan

UBND QUẬN KIẾN AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo TT số 9/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Tổng số học sinh: 107 HS (4 lớp)	Tổng số học sinh: 117 HS (4 lớp)	Tổng số học sinh: 78 HS (3 lớp)	Tổng số học sinh: 76 HS (2 lớp)	Tổng số học sinh: 74 HS (2 lớp)
		1. Tuổi của học sinh tiểu học từ 6 đến 14 tuổi (tính theo năm). 2. Tuổi vào học lớp 1 là 6 tuổi (sinh năm 2018); trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Trẻ 6 tuổi có hộ khẩu thường trú, tạm trú tại các khu thuộc địa bàn phường Bắc Sơn.				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục phổ thông 2018 thực hiện cho các khối lớp 1, 2, 3, 4, 5. Thực hiện 35 tuần/năm học 1. Ngày tựu trường: Lớp 1 (ngày 22/8/2024); Lớp 2,3,4,5 (ngày 29/8/2024) 2. Ngày khai giảng: 5/9/2024 Ngày kết thúc năm học 31/5/2025				
III	- Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình - Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	1. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình: - Thực hiện theo Thông tư 55/ 2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh. - Cơ sở giáo dục thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, trang Web, sổ liên lạc, của đơn vị. - Họp Cha mẹ học sinh 03 kỳ/năm. - Thông tin về Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và đào tạo Ban hành Quy định về đánh giá học sinh tiểu học 04/9/2020 đối với tất cả các khối lớp. - Gia đình thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm hoặc qua điện thoại. 2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: - Chấp hành tốt các nội quy học sinh. - Thái độ học tập tích cực, chủ động. - Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy. - Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. - Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ theo từng chủ điểm, hoạt động ngoại khóa theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh. - Sinh hoạt Đội, Sao Nhi đồng. - Tổ chức các Lễ phát động: Tháng an toàn giao thông theo chủ đề năm học ... - Tổ chức Sân chơi trí tuệ; ...				

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
		- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.				
V	Kết quả Năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Thực hiện 5 nhiệm vụ học sinh đầy đủ 100% - 100% học sinh hoàn thành rèn luyện năng lực, phẩm chất - Lễ phép, tích cực, năng động - Được giáo dục về kỹ năng sống - Có ý thức bảo vệ môi trường - Giữ vững hiệu suất đào tạo, hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 99 % - Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình bậc Tiểu học: 100%. - Không có học sinh bỏ học. - Đảm bảo vệ sinh ATTP cho học sinh - Giảm số lượng, tỉ lệ trẻ thừa cân béo phì - Thường xuyên tổ chức vệ sinh trường lớp. - 100% học sinh được chăm sóc sức khỏe ban đầu. - 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế.				
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Có kiến thức, kỹ năng cơ bản vững chắc. - Đủ sức để học ở lớp trên hoặc cấp học trên. - Tăng cường công tác thăm định và bàn giao chất lượng giáo dục giữa lớp dưới với lớp trên cũng như giữa tiểu học lên THCS. - Tăng cường giáo dục các kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh.				

Bắc Sơn, ngày 30 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

 Nguyễn Thị Lan

UBND QUẬN KIẾN AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, cuối năm học 2023-2024
(Kèm theo TT số 9/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	406	116	79	74	72	65
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	406	116	79	74	72	0
III	Số học sinh khuyết tật học hòa nhập	6	2	0	0	3	1
IV	Số học sinh chia theo kết quả giáo dục						
1	Tiếng Việt	406	116	79	74	72	65
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
2	Toán	406	116	79	74	72	65
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
3	Đạo đức	406	116	79	74	72	65
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
4	Khoa học	137	0	0	0	72	65
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	0	0	0	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
5	Lịch sử - Địa lý	137	0	0	0	72	65
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	0	0	0	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
6	Tiếng nước ngoài	406	116	79	74	72	65
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
7.	Tiếng dân tộc						
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)						
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so						

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
	với tổng số)						
8	Tin học	406	116	79	74	72	65
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
9	Tự nhiên và Xã hội	269	116	79	74	0	0
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	0	0
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
10	Âm nhạc	406	116	79	74	72	65
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
11	Mĩ thuật	406	116	79	74	72	65
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
12	Thủ công (Kỹ thuật)	65	0	0	0	0	65
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	0	0	0	0	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
13	GDTC (Thể dục)	406	116	79	74	72	65
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
14	Hoạt động trải nghiệm	341	116	79	74	72	0
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	0
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
16	Công nghệ	146	0	0	74	72	0
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	0	0	100%	100%	0
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Số HS hoàn thành chương trình lớp học (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	60,8%	49,1%	68,3%	68,9%	41,7%	84,6%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
2	Số HS chưa hoàn thành chương trình lớp học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0

Bắc Sơn, ngày 30 tháng 9 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

★ Nguyễn Thị Lan

